

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 120/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2015

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... S
	Ngày: 27/01/2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2014 - 2020” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ven biển là nhiệm vụ cấp bách, quan trọng nhằm phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phù hợp với Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2020, đảm bảo hiệu quả bền vững; hài hòa giữa lợi ích quốc gia với địa phương và các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; đồng thời đáp ứng các cam kết của Việt Nam khi tham gia Công ước, điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách, kết hợp lồng ghép các nguồn vốn đầu tư khác và huy động các nguồn lực từ xã hội để đầu tư bảo vệ và phát triển rừng ven biển;

- Nhà nước tạo cơ chế, chính sách hưởng lợi để thu hút các thành phần kinh tế, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tham gia đầu tư bảo vệ và phát triển rừng ven biển.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát huy chức năng phòng hộ của rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ hệ thống đê biển, cơ sở hạ tầng, bảo tồn đa dạng sinh học; góp phần phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Mục tiêu cụ thể

- Bảo vệ diện tích rừng ven biển hiện có 310.695 ha;

- Trồng mới 46.058 ha, nâng tổng diện tích rừng ven biển đến năm 2020 lên 356.753 ha và độ che phủ rừng ven biển từ 16,9% (năm 2014) lên 19,5% vào năm 2020.

3. Nhiệm vụ Đề án

a) Bảo vệ diện tích rừng hiện có 310.695 ha.

b) Phục hồi 9.602 ha rừng kém chất lượng.

c) Trồng rừng mới: 46.058 ha, trong đó:

- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng ven biển 37.008 ha, gồm: Trồng rừng ngập mặn: 29.500 ha, trồng rừng chắn gió, chắn cát ven biển 7.508 ha;

- Trồng rừng sản xuất ven biển kết hợp phòng hộ: 9.050 ha.

d) Trồng cây phân tán ven biển: 23,5 triệu cây.

4. Tổng hợp nhu cầu vốn và nguồn vốn

a) Tổng hợp nhu cầu vốn

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án giai đoạn 2014 - 2020 là 5.415 tỷ đồng (bình quân mỗi năm 902,5 tỷ đồng), trong đó:

+ Khoán bảo vệ rừng: 412,7 tỷ đồng

- + Phục hồi rừng: 288,1 tỷ đồng
- + Trồng rừng mới: 2.960,6 tỷ đồng
- + Trồng cây phân tán: 235,0 tỷ đồng
- + Các hạng mục khác: 1.292,4 tỷ đồng
- Phân theo các nguồn vốn:
 - + Ngân sách nhà nước: 3.791,3 tỷ đồng (chiếm 70%)
 - + Vốn ODA: 1.397,5 tỷ đồng (chiếm 25,8%)
 - + Các nguồn vốn hợp pháp khác: 226,2 tỷ đồng (chiếm 4,2%).

b) Các nguồn vốn

- Ngân sách nhà nước, bao gồm: Kế hoạch Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2015 theo Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; vốn Chương trình hỗ trợ và ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC); Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020;

- Vốn Chương trình đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển theo Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2006 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Vốn ODA.

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác, gồm: Nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng; kinh phí trồng rừng thay thế của các tổ chức chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; vốn đầu tư của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

5. Các dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020

- Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020: 44 dự án;
- Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu: 50 dự án;
- Chương trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển: 37 dự án;
- Các dự án hợp tác quốc tế: 14 dự án;
- Dự án nguồn vốn khác: Gồm các dự án trồng rừng thay thế và dự án trồng rừng sản xuất của các tổ chức, cá nhân.

Tổng diện tích dự kiến trồng rừng của các Dự án ưu tiên là: 55.660 ha

Trong đó:

- Trồng mới: 46.058 ha

- Trồng phục hồi: 9.602 ha

(Danh mục các dự án đầu tư theo các nguồn vốn tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV và Phụ lục V)

6. Các giải pháp thực hiện

a) Về đất đai:

- Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển gắn với quy hoạch sử dụng đất đai đến năm 2020, bảo đảm ổn định lâu dài, xác định rõ trên bản đồ và ngoài thực địa; quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất rừng ven biển sang mục đích khác;

- Rà soát, thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân sử dụng trái phép diện tích thuộc hành lang an toàn bảo vệ đê biển hoặc diện tích đất đã giao thuộc quy hoạch phát triển lâm nghiệp nhưng sử dụng không đúng mục đích để trồng lại rừng;

- Đẩy mạnh việc giao, khoán bảo vệ rừng cho các thành phần kinh tế, cộng đồng và các hộ gia đình để bảo vệ và phát triển rừng ven biển;

- Khuyến khích các hình thức liên kết với dân để phát triển rừng, như thuê đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất để trồng rừng ven biển theo quy hoạch kết hợp với nuôi trồng thủy sản, nông lâm kết hợp, du lịch sinh thái.

b) Về cơ chế đầu tư

- Kinh phí đầu tư bảo vệ và phát triển rừng ven biển được thực hiện lồng ghép từ các nguồn vốn. Trong đó, ngân sách trung ương chỉ tập trung đầu tư có mục tiêu cho các tỉnh ven biển chưa tự cân đối được ngân sách; các tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách có trách nhiệm bố trí từ ngân sách địa phương, đồng thời vận động thu hút các nguồn vốn viện trợ quốc tế, vốn vay tín dụng và huy động các nguồn vốn khác để thực hiện các nhiệm vụ Đề án này;

- Mức đầu tư bảo vệ và phát triển rừng ven biển

+ Mức hỗ trợ đầu tư khoán nuôi tái sinh rừng và khoán bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng ven biển bình quân bằng 1,5 lần so với mức khoán bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn theo quy định. Mức khoán cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

+ Mức đầu tư trồng rừng mới và trồng bổ sung, phục hồi rừng phòng hộ, đặc dụng ven biển thực hiện theo thiết kế, dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành phù hợp với điều kiện thi công cụ thể của từng địa phương;

+ Các hạng mục đầu tư khác (bảo tồn đa dạng sinh học; kiểm kê, giám sát diễn biến rừng ven biển; nghiên cứu khoa học; trồng cây phân tán; tuyên truyền giáo dục,...) thực hiện theo dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Về khoa học và công nghệ

- Xác định loài cây trồng phù hợp với điều kiện từng vùng, từng địa phương; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trồng rừng, phục hồi rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; trồng rừng ngập mặn chắn sóng và các giải pháp chống xói lở cửa sông, ven biển;

- Xây dựng các mô hình canh tác tổng hợp (rừng, thủy sản, nông lâm kết hợp) bền vững, hiệu quả thay thế cho các mô hình quảng canh, năng suất thấp; nuôi trồng và sử dụng hợp lý các loài lâm sản ngoài gỗ gắn với bảo vệ và phát triển rừng ven biển;

- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ nâng cao chất lượng rừng trồng ven biển, đảm bảo khả năng thành rừng và xử lý sâu bệnh hại, cháy rừng;

- Xây dựng hệ thống giám sát và định lượng các bon, dịch vụ hệ sinh thái rừng ven biển nhằm huy động nguồn thu phục vụ cho quản lý rừng bền vững;

- Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý, công nghệ thông tin trong quản lý, dự báo, đánh giá, theo dõi diễn biến rừng ven biển và thiên tai.

d) Truyền truyền, giáo dục, nâng cao năng lực

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp trong xã hội về vai trò, chức năng của rừng ven biển cũng như trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ và phát triển rừng ven biển. Tăng cường công tác khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công.

đ) Hoàn thiện cơ chế chính sách

Nghiên cứu xây dựng chính sách đầu tư và cơ chế hưởng lợi đối với rừng ven biển, nhằm khuyến khích mọi thành phần trong xã hội tham gia bảo vệ và phát triển rừng ven biển góp phần thực hiện thành công mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

7. Tổ chức thực hiện

a) Các Bộ, ngành Trung ương:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Là cơ quan thường trực Đề án, chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và các tỉnh ven biển tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án này;

+ Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành thẩm định các dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng ven biển của các địa phương;

+ Nghiên cứu, xây dựng chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ven biển trình Thủ tướng Chính phủ ban hành để hỗ trợ thực hiện Đề án;

+ Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Đề án này; đầu mối tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

+ Ban hành các văn bản hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ven biển;

+ Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương rà soát danh mục các dự án ưu tiên bảo vệ và phát triển rừng ven biển để bố trí vốn đầu tư trong các Chương trình, Kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn 2015 - 2020.

Trong quá trình thực hiện Đề án này, nếu có vướng mắc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xử lý theo thẩm quyền; báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối nhu cầu các nguồn vốn thực hiện Đề án này;

+ Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa các dự án bảo vệ và phát triển rừng ven biển vào danh mục ưu tiên được sử dụng vốn tài trợ, vốn vay quốc tế (WB, ADB, KfW,...);

+ Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Đề án này.

- Bộ Tài chính:

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo nguồn vốn sự nghiệp cho khoanh nuôi tái sinh rừng, khoán bảo vệ rừng, nghiên cứu khoa học và theo dõi diễn biến rừng ven biển theo Đề án này;

+ Hướng dẫn, quản lý sử dụng các nguồn vốn thực hiện Đề án theo chức năng nhiệm vụ và quy định hiện hành.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường:

+ Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương rà soát danh mục các dự án có liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng ven biển theo nguồn vốn ứng phó biến đổi khí hậu gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ;

+ Phối hợp với các địa phương chỉ đạo, rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vùng ven biển bảo đảm ổn định, lâu dài, đúng mục đích; hướng dẫn địa phương kiểm tra, thu hồi đất của tổ chức, cá nhân sử dụng trái phép diện tích đất thuộc hành lang an toàn bảo vệ đê, diện tích quy hoạch trồng rừng ven biển nhưng sử dụng không hiệu quả hoặc chuyển đổi sai mục đích,... để khôi phục và trồng lại rừng.

- Các Bộ, ngành khác: Theo chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan trong Đề án này.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng ven biển:

- Chỉ đạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng ven biển giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh;

- Chỉ đạo rà soát, lập các dự án đầu tư có liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng ven biển theo các nguồn vốn, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trước khi phê duyệt.

c) Chỉ đạo rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết thu hồi đối với những diện tích đất thuộc hành lang an toàn bảo vệ đê, diện tích quy hoạch trồng rừng ven biển bị các tổ chức, cá nhân lấn chiếm, sử dụng trái phép, hoặc những diện tích đất sử dụng không đúng mục đích, không hiệu quả để khôi phục và trồng lại rừng theo quy định.

d) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các Dự án bảo vệ và phát triển rừng ven biển được duyệt; hàng năm báo cáo kết quả Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

đ) Chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp trong xã hội về vai trò, chức năng của rừng ven biển; vận động nhân dân và các thành phần kinh tế tích cực tham gia bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức quản lý, bảo vệ rừng ven biển theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

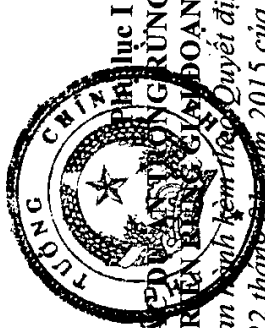
Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, KGVX, V.III, V.I, TKBT;
- Lưu: VT, KTN (3b). M 210



Hoàng Trung Hải



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN RỪNG VEN BIÊN TỪ NGUỒN VỐN
KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VEN BIÊN TỪ NGUỒN VỐN ĐOẠN 2011 - 2020 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 57/QĐ-TTg
(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Diện tích, Quy mô			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Hạng mục khác	
I	DỰ ÁN ĐÁ PHÊ DUYỆT, TIẾP TỤC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN (13 TỈNH CÓ 25 DA)			15.307			
1	Quảng Ninh (02 DA)						
	Dự án đầu tư trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng ngập mặn phòng hộ ven biển thị xã Quảng Yên giai đoạn 2012 - 2020	H. Quảng Yên	2012 - 2020	150			Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 24/10/2012
2	Sóc Trăng (01 DA)						
	Các DA BV và PTR phòng hộ, đặc dụng giai đoạn 2008 - 2015 huyện Móng Cái, huyện Tiên Yên	H. Móng Cái, Tiên Yên	2008 - 2015				
	DA bảo vệ và PT rừng phòng hộ ven biển tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011 - 2020	H. Trần Đề, Cù Lao Dung và TX Vĩnh Châu	2011 - 2020	1.787		C.S rừng 5,989 ha; trồng cây phân tán 2,6 triệu cây	QĐ 351/QĐHC-CTUBND ngày 24/4/2013
3	Ninh Bình (02 DA)			442.86	432.87		
	Kế hoạch Bảo vệ phát triển rừng	Huyện Kim Sơn	2014 - 2020	442.86	243,27		
	Kế hoạch Bảo vệ phát triển rừng	Huyện Kim Sơn	2014 - 2020		189,6		

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Diện tích, Quy mô			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Hạng mục khác	
4	Nghệ An (4 DA)	Hạt KL, Diễn Châu	2012 - 2020	7005,15		5.810	CSR 5.810 ha
				402,8	56176,4	110	
				970,05	84.639,24	1212,29	
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng	BQLRPH Nghi Lộc	2012 - 2020	5172,3	156.477,6	4488,1	Có kế hoạch phân bổ cho các xã trồng, chăm sóc rừng ven biển
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng	BQLRPH Quỳnh Lưu	2012 - 2020	460			DA chương trình 147 đầu tư cây giống
5	Quảng Bình (01 DA)			880			
	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất	Thị xã Cửa Lò, Đào Ngu, Đào Mát	2009 - 2015	120		Xây dựng 02 Chòi canh lửa rừng, 20 km đường ranh cản lửa...	
	Dự án BV và PTR phòng hộ vùng Bang Thanh Sơn huyện Lệ Thủy giai đoạn 2011 - 2020	Các xã Sen Thủy, Hồng Thủy, Thanh Thủy, Hưng Thủy huyện Lệ Thủy	Từ năm 2011 - 2020	600			
6	Quảng Trị (01 DA)			600			
	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất thuộc Dự án bảo vệ và phát triển rừng	Hải Lăng, Gio Linh, Vĩnh Linh	Từ 2014 - 2020	590,09	60,85	590,09	Chăm sóc rừng trồng 3 năm liên tục, chăm sóc rừng theo chu kỳ 5 năm.
7	Quảng Nam (03 DA)			1.322,38			
	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng	Núi Thành	2014 - 2020	512,59	969,93	512,59	
	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng	Thăng Bình	2014 - 2020	219,70	304,05	219,70	
	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng	Tam Kỳ	2014 - 2020				

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Diện tích, Quy mô			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Hạng mục khác	
8	Quảng Ngãi (02 DA) Dự án trồng mới rừng ngập mặn DA trồng rừng phòng hộ ven biển và cảnh quan môi trường	H. Tư Nghĩa, H. Đức Phổ H. Tư Nghĩa, H. Mộ Đức và H. Đức Phổ	2015 - 2020 2015 - 2020	500.59 308.17 192.42			
9	Bình Định (01 DA) Dự án trồng rừng ngập mặn	Huyện Tuy Phước Huyện Phù Mỹ TP Quy Nhơn	2014 - 2020	87 32.7 24.3 30			
10	Phú Yên (02 DA) DA đầu tư phát triển rừng đặc dụng Đèo Cả DA đầu tư phát triển rừng phòng hộ Sông Cầu	Đèo Cả - xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa Xã Xuân Hải, TX Sông Cầu	2011 - 2015 2011 - 2015	100 50			Quyết định phê duyệt 928/QĐ-UBND Quyết định phê duyệt 922/QĐ-UBND
11	Bình Thuận (03 DA) Dự án PTLN của BQLRPH Sông Mao Dự án PTLN của BQLRPH Lê Hồng Phong Dự án PTLN của BQLRPH Hồng Phú	Huyện Bắc Bình Huyện Bắc Bình Huyện Hàm Thuận Bắc	2014 - 2017 2014 - 2017 2014 - 2017	2.450 400 800 1.250 19,1	300 11.000 1.650	7,500	
12	TP. Hồ Chí Minh (01 DA) Dự án khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, trồng rừng mới trên hiện trạng Ia, Ib, Ic, rừng phòng hộ Cán Giờ	Rừng phòng hộ Cán Giờ	2014 - 2017	19,1			Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 57,14 ha

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Diện tích, Quy mô			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Hạng mục khác	
13	Kiên Giang (02 DA) Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ Hòn Đất - Kiên Hà (đến năm 2015 dự án sẽ kết thúc, dự kiến tiếp tục triển khai đến 2020)			1700			
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ An Biên - An Minh (đến năm 2015 dự án sẽ kết thúc, dự kiến tiếp tục triển khai đến 2020)						
II	DỰ ÁN ĐÀ PHÉ DUYỆT, NAY ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (02 TỈNH 2 DA)			686,62			
1	Bình Thuận (01 DA) Quy hoạch Bảo tồn và PTBV BQL Khu BTTN Takou	Huyện Hàm Thuận Nam	2014 - 2020	570	10,503	634	Chờ phê duyệt
2	Đồng Nai (01 DA) Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ	Khoảnh 2,4,5 TK 179; Khoảnh 1 TK 181; Khoảnh 1,4 TK 182	2012 - 2017	116,62			
III	DỰ ÁN ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG MỚI (9 TỈNH 15 DA + 02 DA CỦA BỘ NN&TPNT)			6.285			
1	Hải Phòng (01 DA) Dự án bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng Vườn quốc gia Cát Bà	VOG Cát Bà	2014 - 2020	100,0	8.268,3	KNTS rừng 2.563,3 ha; cải tạo rừng 156,0 ha; công trình hạ tầng lâm sinh khác	Dự án đã xây dựng, thẩm định nhưng chưa phê duyệt.

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Diện tích, Quy mô			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Hạng mục khác	
2	Thái Bình (01 DA) Dự án phục hồi và phát triển rừng ven biển giai đoạn 2016 - 2020	Huyện Thái Thụy, Tiền Hải	2016 - 2020	800	29.13	Cơ sở hạ tầng lâm sinh	Mua sắm trang thiết bị
3	Quảng Trị (01 DA) Tiếp tục bố trí nguồn kinh phí từ Chương trình bảo vệ và phát triển rừng 2011 - 2020 để trồng, nâng cấp rừng phòng hộ đối với các diện tích rừng đã trồng của các dự án 327, 773 và 661.	Hải Lăng, Gio Linh, Triệu Phong	Từ 2014 - 2020			1500	Trồng nâng cấp phục hồi 1.500 ha rừng PH
4	Bình Định (01 DA) Dự án trồng rừng ngập mặn	Huyện Tuy Phước Huyện Phù Mỹ Thành phố Quy Nhơn, H Phù Cát	2014 - 2020	265 112 65 78 10			
5	TP. HCM (01 DA) Dự án trồng rừng trên đất ruộng muối tại khu vực Hào Vỹ huyện Cần Giờ	Khu vực Hào Vỹ huyện Cần Giờ	2014 - 2017	26			
6	Trà Vinh (02 DA) Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh Dự án bảo vệ và phát triển rừng Khu bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn Long Khánh	H. Châu Thành H. Cầu Ngang H. Duyên Hải Xã Long Khánh, H. Duyên Hải	2014 - 2018	1.859 1.786 73	39.621 37.211 2.410	4.400.000	Trồng 4,4 triệu cây phân tán

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Diện tích, Quy mô			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Hạng mục khác	
7	Tiền Giang (02 DA) Dự án trồng rừng phòng hộ trên đất chưa sử dụng, ven sông Cửa Tiểu huyện Gò Công Đông	Huyện Gò Công Đông	Giai đoạn 2015 - 2020	585	235		
	Dự án trồng rừng phòng hộ trên đất chưa sử dụng, ven biển huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Giai đoạn 2015 - 2020	350			
8	Bạc Liêu (02 DA) Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn ven biển tỉnh Bạc Liêu	Các huyện, thành phố ven biển	2015 - 2020	500		10.000	
	Bảo tồn Vườn chim Bạc Liêu	TP Bạc Liêu	2015 - 2020	150		7.350	
9	Cà Mau (04 DA) Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ giai đoạn 2015 - 2020	Các ban quản lý rừng phòng hộ	2015 - 2020	400	27.000	XD trạm QL BVR, chốt quan sát quản lý BVR và các hạng mục khác	
	Dự án bảo vệ và phát triển vườn quốc gia Mũi Cà Mau giai đoạn 2016 - 2020	Vườn quốc gia Mũi Cà Mau	2016 - 2020	500	15.262	- nt -	500 ha khoanh nuôi tái sinh
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng sản xuất là rừng ngập mặn giai đoạn 2015 - 2020	Các BQL rừng PH, Cty lâm nghiệp, hộ gia đình khu vực rừng ngập mặn	2015 - 2020	1.000		- nt -	
	Dự án đầu tư xây dựng vườn giống, rừng giống, vườn ươm cây rừng ngập mặn	Huyện Năm Căn, Ngọc Hiển	2015 - 2020	Rừng giống 100 ha; vườn giống 30 ha.	130	Xây dựng hạ tầng	Vườn ươm 2 ha

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Diện tích, Quy mô			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Hạng mục khác	
10	Bộ Nông nghiệp và PTNT (02 DA)						
	DA tuyên truyền, giáo dục, nâng cao năng lực nhận thức về BV và phát triển rừng ven biển	Toàn quốc	2015 - 2020			XD các chương trình giáo dục, truyền thông	Kết hợp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực
	DA đánh giá, theo dõi diễn biến rừng ven biển và đa dạng sinh học rừng ven biển	Toàn quốc	2015 - 2020			Đánh giá tài nguyên rừng và ĐDSH rừng ven biển; giám sát, theo dõi diễn biến	Số hóa bản đồ và thiết lập cơ sở dữ liệu riêng về rừng ven biển



Phụ lục II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỒNG RỪNG VÀ BIỂN BÀNG NGUỒN VỐN ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án *	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả đã hoặc sẽ thực hiện (ha)			Ghi chú
				Trồng rừng	Bảo vệ rừng	Cải tạo, phục hồi rừng	
	Tổng (A+B): 50 Dự án			24.163			
A	CÁC DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT VÀ CẤP VỐN THỰC HIỆN (10 DỰ ÁN). TRONG ĐÓ:			2.309			
I	CÁC DA TRỒNG RỪNG VEN BIỂN THUỘC CT MTQG ỨNG PHÓ BĐKH (6 TỈNH, 6 DA)		2014 - 2015	1.509	554	711	
1	Nam Định Phục hồi tài nguyên hệ sinh thái bị suy thoái vùng ven biển tỉnh Nam Định	Diện tích bãi bồi ven biển huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định	2014 - 2015	50	50		QĐ số 1631/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của UBND tỉnh Nam Định
2	Thanh Hóa Trồng rừng ngập mặn phòng hộ ven biển chống xói lở bờ biển tỉnh Thanh Hóa	Huyện Hậu Lộc, Hoảng Hóa và thị xã Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa	2014 - 2015	300	300		QĐ số 3714/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa
3	Ninh Bình Trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn phòng hộ ven biển, chống xói lở bờ biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó với BĐKH	Huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình	2014 - 2015	200	200	100	QĐ số 775/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND tỉnh Ninh Bình

TT	Tên dự án *	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả đã hoặc sẽ thực hiện (ha)			Ghi chú
				Trồng rừng	Bảo vệ rừng	Cải tạo, phục hồi rừng	
4	Quảng Ngãi Trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	2014 - 2015	89	4	11	QĐ số 1470/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
5	Trà Vinh Đầu tư, xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2014 - 2015	Các huyện Châu Thành, Cầu Ngang và Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	2014 - 2015	250			QĐ số 1919/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của UBND tỉnh Trà Vinh
6	Sóc Trăng Thí điểm trồng mới, phục hồi rừng ngập mặn nhằm thích ứng với BĐKH trên địa bàn ven biển	Các huyện Cù Lao Dung, Trần Đề và Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	2014 - 2015	620		600	QĐ số 775/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng
II	CÁC DỰ ÁN ĐỀ ĐIỀU, THỬ LỢI CÓ HẠNNG MỤC TRỒNG RỪNG VEN BIỂN ĐÁ PHỄ DUYỆT VÀ CẤP VỐN CHƯƠNG TRÌNH SP-RCC (4 TỈNH, 4 DỰ ÁN)		2014 - 2015	800			Dự kiến trồng rừng khoảng 800 ha
1	Phù Yên Kè chống xói lở đầm Cù Mông, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	2014 - 2015				Có hàng mục trồng và phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn.
2	Bình Định Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại	Thành phố Quy Nhơn, huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	2014 - 2015				Trồng mới và khôi phục 305 ha rừng ngập mặn, trong đó rừng trồng tập trung 170 ha, rừng trồng phân tán 65 ha và khôi phục bảo vệ 75 ha rừng hiện có.

TT	Tên dự án *	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả đã hoặc sẽ thực hiện (ha)			Ghi chú
				Trồng rừng	Bảo vệ rừng	Cải tạo, phục hồi rừng	
3	Hà Tĩnh Củng cố, nâng cấp tuyến đê, kè biển dọc bờ biển đoạn từ K3+105 đến K11+503 huyện Lộc Hà.	Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	2014 - 2015				Tạo điều kiện trồng lại 200 ha rừng ngập mặn phòng hộ và 250 ha rừng phi lao trên cồn cát.
4	Nghệ An Củng cố, nâng cấp tuyến đê tả Lam đoạn từ Nam Đàn đến Rào Đùng, huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc và thành phố Vinh	Nghệ An	2014 - 2015				Có hạng mục trồng cây chắn sóng bảo vệ mái đê
B	CÁC DỰ ÁN MỞ MỚI (40 DỰ ÁN) (vốn Chương trình SP-RCC và CT mục tiêu ứng phó BĐKH)		2015 - 2020	21.854			
I	CÁC DỰ ÁN ĐỀ ĐIỀU, THỦY LỢI CÓ HẠNG MỤC TRỒNG RỪNG VEN BIỂN (13 TỈNH, 20 DỰ ÁN MỞ MỚI)			1.425			Dự kiến trồng rừng khoảng 1,425 ha Vốn SP-RCC
1	Quảng Ninh Nâng cấp Hệ thống đê Quan Lạn, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn	Huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh					Trồng cây chắn sóng: trồng mới 27 ha, trồng dặm 104,4 ha.
2	Quảng Ninh Gây bồi ổn định bãi trồng cây ngập mặn bảo vệ đê thôn 1, TP Móng Cái	TP Móng Cái, Quảng Ninh					
3	Hải Phòng Giảm sóng, ổn định bãi và trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển 1						

TT	Tên dự án *	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả đã hoặc sẽ thực hiện (ha)			Ghi chú
				Trồng rừng	Bảo vệ rừng	Cải tạo, phục hồi rừng	
4	Thái Bình Giảm sóng, ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê biển 5 và 6 Thái Bình						
5	Nam Định Giảm sóng, ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ nam Cồn Xanh, Nam Định						
6	Khánh Hòa Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn ứng phó với BĐKH thành phố Nha Trang	Nha Trang					
7	Quảng Ngãi Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với BĐKH, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía đông huyện Sơn Tịnh						
8	Tiền Giang Gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển Gò Công Đông						
9	Bến Tre 1 Chồng xói lở, gây bồi trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển Thừa Đức						
10	Bến Tre 2 Gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển xã Bảo Thuận, huyện Ba Tri						
11	Trà Vinh 1 Chồng xói lở, gây bồi trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển Hiệp Thanh						

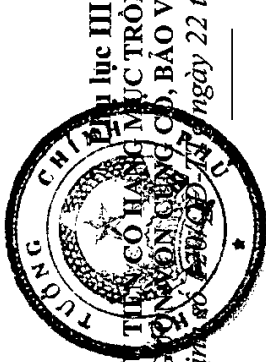
TT	Tên dự án *	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả đã hoặc sẽ thực hiện (ha)			Ghi chú
				Trồng rừng	Bảo vệ rừng	Cải tạo, phục hồi rừng	
12	Trà Vinh 2 Gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải	Huyện Duyên Hải					
13	Sóc Trăng 1 Chống xói lở, gây bồi trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu						
14	Sóc Trăng 2 Gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển xã Vĩnh Tân - Vĩnh Phước						
15	Bạc Liêu 1 Gây bồi tạo bãi, trồng cây chống xói lở khu vực biển Nha Mat						
16	Bạc Liêu 2 Chống xói lở, gây bồi, trồng cây ngập mặn chống xói lở bảo vệ đê biển Gành Hào						
17	Cà Mau 1 Gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ bờ biển khu vực Đất Mũi						
18	Cà Mau 2 Chống xói lở, gây bồi, trồng cây ngập mặn chống xói lở bảo vệ đê biển huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời					
19	Kiên Giang 1 Gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển từ Bình Sơn đến Bình Giang						

TT	Tên dự án *	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả đã hoặc sẽ thực hiện (ha)			Ghi chú
				Trồng rừng	Bảo vệ rừng	Cải tạo, phục hồi rừng	
20	Kiên Giang 2 Gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển xã Nam Thái						
II	CÁC DẠ TRỒNG RỪNG VEN BIÊN XD MỚI VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 VỐN SP-RCC VÀ CT MỨC TIÊU ƯNG PHỐ BDKH (19 TỈNH 20 DẠ)		2015 - 2020	20.429	104.770	1.391	
	Quảng Ninh (1 DẠ)						
1	DẠ bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng ven biển tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015 - 2020	H. Móng Cái, Tiên Yên, Hải hà	2015 - 2020	2.980	20.000		
	Hải Phòng (2 DẠ)						
2	Dự án phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển, ven sông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015 - 2020	Các quận/huyện ven biển TP Hải Phòng	2015 - 2020	4.123	4.566	261	Xây dựng vườn giống, rừng giống, vườn ươm
3	Dự án trồng rừng phòng hộ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc thích ứng BĐKH huyện Bạch Long Vỹ	Huyện Bạch Long Vỹ Hải Phòng	2015 - 2020	101	64		Công trình hạ tầng lâm sinh khác
	Thái Bình (1 DẠ)						
4	Dự án Phục Hồi và phát triển rừng ngập mặn ven biển tỉnh Thái Bình giai đoạn 2015 - 2020	Huyện Thái Thụy, Tiên Hải	2015 - 2020	3.000			

TT	Tên dự án *	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả đã hoặc sẽ thực hiện (ha)			Ghi chú
				Trồng rừng	Bảo vệ rừng	Cải tạo, phục hồi rừng	
	Nam Định (1 DA)						
5	Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 - 2020	Huyện Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy	2015 - 2020	1.160	2.500		
	Thanh Hóa (1 DA)						
6	Trồng cây chắn sóng thuộc Dự án củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hoá	Huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hoá	2015 - 2020	112			
	Quảng Bình (1 DA)						
7	Dự án BV và PTR BQL RPH ven biển Nam Quảng Bình giai đoạn 2015 - 2020	Huyện Lệ Thủy	2015 - 2020	760	9.248		
	Quảng Trị (1 DA)						
8	Dự án trồng rừng trên cát nhằm giảm nhẹ thiên tai và cải thiện đời sống của người dân vùng cát tỉnh Quảng Trị	Triệu Phong, Hải Lăng Quảng Trị	2015 - 2020	200	200		Dự án đã triển khai trồng rừng năm 2013 và tiếp tục chăm sóc, bảo vệ rừng
	TT Huế (1 DA)						
9	Dự án đầu tư bảo vệ phát triển rừng vùng ven biển đảm phá tỉnh Thừa Thiên Huế	Các huyện: Quảng Điền, Phong Điền, Phú Vang, Phú Lộc, Hương Trà	2014 - 2015	1.053	5.272		Đường lâm sinh 7 km
	Quảng Nam (1 DA)						
10	Trồng và phục hồi rừng đừa nước ven biển Cẩm Thanh nhằm tái tạo, phục hồi, phát triển rừng đừa kết hợp đầu tư CSHT phục vụ du lịch sinh thái cộng đồng	Xã Cẩm Thanh, Quảng Nam	2015 - 2020	200	50		Tái tạo, phục hồi và phát triển rừng đừa

TT	Tên dự án *	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả đã hoặc sẽ thực hiện (ha)			Ghi chú
				Trồng rừng	Bảo vệ rừng	Cải tạo, phục hồi rừng	
	Quảng Ngãi (01 DA)						
11	ĐA trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương - huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Các xã Bình Phước, Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	2015 - 2020	200		50	
	Phú Yên (1 DA)						
12	Trồng rừng phòng hộ ven biển tỉnh Phú Yên	Huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu	2015 - 2020	450	272		
	Ninh Thuận (01DA)						
13	Trồng mới, phục hồi kết hợp QLBV rừng chống xâm thực bờ biển tỉnh Ninh Thuận	H. Hải Ninh, Ninh Phước, Thuận Nam	2015 - 2020	115			Đã được UBND tỉnh duyệt tại QĐ 2149a/QĐ-UBND 24/10/2013 chưa có vốn thực hiện
	Bình Thuận (01 DA)						
14	Trồng rừng ven biển chắn sóng, chắn cát để cải thiện môi trường sống và canh tác của người dân địa bàn tỉnh Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	2015 - 2020				
	Trà Vinh (1 DA)						
15	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh	H. Châu Thành; H. Cầu Ngang; H. Duyên Hải.	2015 - 2020	900			

TT	Tên dự án *	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả đã hoặc sẽ thực hiện (ha)			Ghi chú
				Trồng rừng	Bảo vệ rừng	Cải tạo, phục hồi rừng	
	Sóc Trăng (1 DA)						
16	Dự án thí điểm trồng mới, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc địa bàn ven biển tỉnh Sóc Trăng	Thị xã Vĩnh Châu, huyện Trần Đề và huyện Cù Lao Dung, Sóc Trăng	2015 - 2020	640	400	600	
	Bạc Liêu (1 DA)						
17	DA gây bồi tạo bãi khôi phục rừng phòng hộ ven biển tỉnh Bạc Liêu	Huyện Hòa Bình, Đông Hải và TP Bạc Liêu	2015 - 2020	690	1.564	480	
	Bến Tre (1 DA)						
18	DA bảo vệ và phát triển rừng ven biển tỉnh Bến Tre giai đoạn 2015 - 2020	3 huyện ven biển: Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú Bến Tre	2015 - 2020	745	29.855		(Đang chờ phê duyệt)
	Kiên Giang (1 DA)						
19	Dự án khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015 - 2020	Hòn Đất, Kiên Lương, Hà Tiên, An Biên, An Minh - Kiên Giang	2015 - 2020	1.700	4.782		
	Cà Mau (1 DA)						
20	Dự án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	Dải rừng ngập mặn phòng hộ tỉnh Cà Mau	2015 - 2020	800	26.000		



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN TRONG MỤC TRỒNG RỪNG VEN BIỂN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020
TỪ NGUYÊN TẮC BẢO VỆ, NÂNG CẤP ĐÊ BIÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh/Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Khác	
	Các dự án dự kiến thực hiện giai đoạn 2014 - 2020 (37 DA trên 13 tỉnh)			3.488	0		
1	Hải Phòng (4 DA)			46			
1	Trồng cây chắn sóng bảo vệ tuyến đê biển I (K13+500-K15+500)		2014 - 2015	11.0			
2	Trồng cây chắn sóng bảo vệ tuyến đê biển II (K3+500-K5+500)		2015	5.0			
3	Trồng cây chắn sóng bảo vệ tuyến đê biển Cát Hải (K16+000-K17+500 và K7+500-K8+000)		2016	10.0			
4	Trồng cây chắn sóng bảo vệ tuyến đê Phù Long, đảo Cát Bà	Xã Phù Long, đảo Cát Bà	2016	20.0			
2	Thái Bình (5 DA)			416.9			
5	Dự án nán tuyến đê biển 8 từ K26+700 đến K31+700 kết hợp giao thông	Xã Thụy Xuân, Thụy Hải, huyện Thái Thụy	2014 - 2016	50.0			
6	Trồng cây chắn sóng đê biển 5 (K1-K3; K13-K18)	Nam Thịnh, Nam Cường, Nam Hưng, Nam Phú, Tiên Hải	2015 - 2020	140.0			

TT	Tỉnh/Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Khác	
7	Trồng cây chắn sóng đê biển 6 (K0,8-K8; K10,5-K11,2; K13,5-K14; K17,2-K18,5)	Đông Lông, Đông Minh, Đông Hoàng, Tiên Hải	2015 - 2018	85.0			
8	Trồng cây chắn sóng đê biển 7 (K1,25-K3,06; K4,065-K4,7; K11-K13)	Thái Độ, Thái Thương, Thái Thủy	2015 - 2020	57.9			
9	Trồng cây chắn sóng đê biển 8 (K6,8-K7,7; K21-K22; K27-K30)	Thủy Trường, Thủy Xuân, Thủy Hải, Thái Thủy	2017 - 2020	84.0			
3	Ninh Bình (1 DA)			12.7			
10	Duy tu bảo dưỡng đê điều	Huyện Kim Sơn	2014	12.7			
4	Thanh Hóa (1 DA)			100.0			
11	Duy tu đê biển huyện Hậu Lộc		2015 - 2020	100.0			
5	Nghệ An (5 DA)			280			
12	Đê Nghi Yên	Xã Nghi Yên - huyện Nghi Lộc	2015 - 2016	10.0			
13	Đê Bãi Ngang	Huyện Quỳnh Lưu	2015 - 2020	50.0			
14	Đê Long - Thuận	Huyện Quỳnh Lưu	2015 - 2020	20.0			
15	Đê Trung - Thịnh - Thành	Huyện Diễn Châu	2015 - 2020	130.0			
16	Đê Kim - Hải - Hùng	Huyện Diễn Châu	2015 - 2020	70.0			

TT	Tỉnh/Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Khác	
6	Hà Tĩnh (8 DA)			222.5			
17	Trồng cây chắn sóng bảo vệ tuyến đê Hội Thống	H. Nghi Xuân	2014 - 2016	30.8			Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 07/4/2014
18	Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê Đồng Môn	Tp Hà Tĩnh	2014 - 2015	18.7			
19	Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	2015 - 2020	28.3			
20	Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	2016 - 2020	20			
21	Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	2016 - 2020	24			
22	Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê Kỳ Khanh	H. Kỳ Anh	2016 - 2020	45			
23	Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê Hải Hà Thu	H. Kỳ Anh	2016 - 2020	28			
24	Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê Hoàng Đình	H. Kỳ Anh	2016 - 2020	28			
7	Quảng Trị (3 DA)			8			
25	Nâng cấp đê Vĩnh Thái (có trồng cây chắn sóng)	Vĩnh Linh	2014	3			
26	Nâng cấp đê Bắc Phước (có trồng cây chắn sóng)	Triệu Phong	2014	5			
27	Trồng cây chắn sóng	Triệu Phong, Hải Lăng, Vĩnh Linh, Gio Linh	2015 - 2020		80		BC SNN

TT	Tỉnh/Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Khác	
8	TP. Đà Nẵng (S DA)			179.33			
28	Dự án đề kế biển Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	2015	1.5			Đã có đề biển
29	Dự án trồng rừng ven biển Tuyên cầu Kim Liên - đòì Xuân Dương	Quận Liên Chiểu	2015	7.5			Bảo vệ bờ biển
30	Trồng rừng phòng hộ tại Nam Hải Vân	Quận Liên Chiểu	2016	100			Phòng hộ ven biển
31	Xã hội hóa trồng rừng ven biển tại các khu du lịch, dự án và diện tích đất ven biển trồng chưa quy hoạch	Toàn thành phố	2015 - 2020	58.83			Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trồng và các nguồn vốn khác
32	Dự án chăm sóc rừng phi lao ven biển	Toàn thành phố	2015	11.5			
9	Bình Định (1 DA)						
33	Dự án "Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn đề ứng phó với BĐKH vùng đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định"	Xã Phước Hòa, H. Tuy Phước Xã Phước Thuận, H. Tuy Phước	2015		4.74		
10	Khánh Hòa (1 DA)			603			
34	Dự án phục hồi và phát triển rừng ngập mặn ven biển tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 - 2015	H. Vạn Ninh, Cam Lâm; thị xã Ninh Hoà; TP Nha Trang, Cam Ranh	2014 - 2015	603.00	78,16		Quyết định 419/QĐ-UBND ngày 4/02/2011
11	Bình Thuận (1 DA)			1.000			
35	DA trồng rừng PH ven biển chắn sóng chắn cát	Các huyện Tuy Phong, Bắc Bình, H. Thuận Nam, Hàm Tân	2015 - 2020	1.000			

TT	Tỉnh/Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện		Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	
12	Trà Vinh (1 DA)			20		
36	Dự án Trồng rừng phòng hộ chống xói lở bờ biển, bảo vệ kè biển, để biển bằng giải pháp cải tạo thành phân cơ giới và rào cản sóng tạo bùn ven biển huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh	H. Duyên Hải	2015 - 2020	20		
13	Sóc Trăng (1 DA)			600		
37	Dự án trồng rừng phòng hộ bảo vệ đê sông, đê biển	Thị xã Vĩnh Châu, huyện Cù Lao Dung và huyện Trần Đề	2015 - 2020	600		

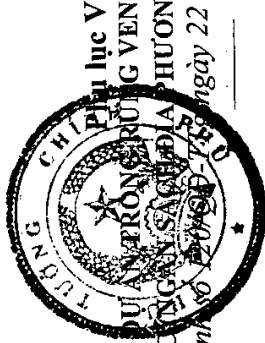


DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG VEN BIỂN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1210/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Loại dự án	Nhà tài trợ	Vốn tài trợ (USD)	Vốn đối ứng (USD)	Tổng vốn (USD)	Quy mô trồng rừng (ha)	Thời gian	Địa bàn dự án	CQ chủ trì/thực hiện
I	DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN (4 DA)			4.019.188	300.000	4.319.188	4.517			
1	Chương trình trồng rừng ngập mặn phòng ngừa thảm họa (do Hội Chữ thập đỏ Nhật Bản tài trợ)	Tài trợ	Hội Chữ thập đỏ Nhật Bản	1.743.938		1.743.938	2.296	2009 - 2015	06 Huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoàng Hóa, Sầm Sơn, Quảng Xương, Tĩnh Gia	Thanh Hóa
2	Dự án đầu tư phát triển rừng ngập mặn phòng hộ tại các xã ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (Quỹ thiên tai miền trung tài trợ)	Tài trợ	Quỹ thiên tai miền trung	925.250		925.250	200	2010 - 2015	Huyện Hậu Lộc	Thanh Hóa
3	Quản lý rừng bền vững tiến tới cấp chứng chỉ rừng FSC đối với rừng sản xuất	Vốn ODA tài trợ không hoàn lại	Phi chính phủ	150.000		150.000	2.000	2014 - 2020	Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh 2.000 ha	Quảng Trị
4	Kết hợp bảo vệ bờ biển và khôi phục đại rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau (KFW)	Vốn vay ưu đãi	CHLB Đức	1.200.000	300.000	1.500.000	21	2013 - 2019	Biển Tây (Huyện U Minh)	Cà Mau

STT	Tên dự án	Loại dự án	Nhà tài trợ	Vốn tài trợ (USD)	Vốn đối ứng (USD)	Tổng vốn (USD)	Quy mô trồng rừng (ha)	Thời gian	Địa bàn dự án	CƠ CHỦ trì/Thực hiện
II DỰ ÁN ĐANG XÂY DỰNG VÀ ĐỀ XUẤT (9 DA)										
1	Phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn tại tỉnh Thái Bình	ODA không hoàn lại	Hàn Quốc	1.900.000		1.900.000	100	2014 - 2023	Tỉnh Thái Bình	Tổng cục lâm nghiệp
2	Tăng cường năng lực thích ứng dựa trên hệ sinh thái rừng ngập mặn và rừng vùng biên giới	ODA vay WB	IDA	110.000.000	10.000.000	120.000.000	11.400	2016 - 2023	06 tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hoá	BOL các dự án lâm nghiệp Bộ NN và PTNT
3	Trồng, phục hồi rừng ngập mặn tại một số tỉnh ven biển (Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Tĩnh, Ninh Thuận)	ODA không hoàn lại	Đan Mạch	2.000.000		2.000.000	400	2014	Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Tĩnh, Ninh Thuận	Bộ Tài nguyên và MT đang xây dựng Đề cương Dự án
4	Dự án bảo tồn và phát triển thảm thực vật tự nhiên trên cát	Tài trợ không hoàn lại		200.000		200.000	2.000		Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh	Quảng Trị
5	DA Quản lý rừng bền vững	ODA	USAID	4.000.000	400.000	4.400.000	1.500	2016 - 2020	Bình Thuận	Là các huyện có DT rừng ven biển trên cát
6	DA Trồng rừng chống sạt lở bảo vệ Bầu Tráng	ODA		1.000.000	100.000	1.100.000	350	2017 - 2019	Huyện Bắc Bình Bình Thuận	

STT	Tên dự án	Loại dự án	Nhà tài trợ	Vốn tài trợ (USD)	Vốn đối ứng (USD)	Tổng vốn (USD)	Quy mô trồng rừng (ha)	Thời gian	Địa bàn dự án	CQ chủ trì/thực hiện
7	DA đầu tư phát triển rừng PH ven biển hạn chế xói lở bờ biển, bảo vệ kê biển, để biển bằng giải pháp cải tạo thành phân cơ giới kết hợp rào chắn gió, tích tụ bùn ở các huyện ven biển tỉnh Trà Vinh			5.000.000		5.000.000	400	2015 - 2020	Trên địa bàn 02 huyện: Cầu Ngang và Duyên Hải tỉnh Trà Vinh	Trông mới 400 ha
8	Dự án trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông	ODA		1.100.000		1.100.000	300	2016 - 2020	Huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang	
9	Phục hồi và bảo vệ bền vững rừng phòng hộ ven biển tỉnh Bạc Liêu	Vốn ODA		5.000.000	500	5.000.500	4.000	2015 - 2020	Các huyện, thành phố ven biển tỉnh Bạc Liêu	



DANH MỤC DỰ ÁN TRỒNG RỪNG VEN BIÊN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020
TỪ CÁC NGUỒN VỐN KHÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN,...
(Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-TS ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô			Ghi chú
				Trồng rừng (ha)	Bảo vệ rừng (ha)	Hạng mục khác	
1	Trồng rừng thay thế tỉnh Phú Yên	Các xã ven biển tỉnh Phú Yên	2014 - 2018	50			
2	Dự án trồng rừng phục hồi sau khai thác Titan tỉnh Bình Định	Huyện Phù Mỹ, Phù Cát	2014 - 2020	520			
3	Dự án bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn giai đoạn 2015 - 2020 tỉnh Cà Mau	Khu vực rừng ngập mặn là rừng sản xuất tỉnh Cà Mau	2015 - 2020	1.000	40.000		(khu vực rừng sản xuất, lồng ghép với dự án của các Ban quản lý rừng phòng hộ, công ty lâm nghiệp)
4	Dự án trồng rừng sản xuất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác ...			7.480			Ước tính
	Cộng:			9.050			